

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

(Báo cáo tự lập)



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo tài chính riêng	01-02
Bảng cân đối kế toán riêng	03
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	04-05
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	06-39

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1,437,207,484,269	1,368,055,608,998
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4,182,873,116	38,628,487,195
111	1. Tiền		4,182,873,116	38,628,487,195
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	153,220,699,172	130,284,580,071
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		153,220,699,172	130,284,580,071
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		626,114,019,790	545,662,235,925
131	714 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	546,918,938,053	475,508,887,771
132	806 Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	46,576,525,244	37,338,008,117
136	806 Phải thu ngắn hạn khác	7	32,618,556,493	32,815,340,037
140	IV. Hàng tồn kho	8	626,206,816,230	628,563,538,962
141	1. Hàng tồn kho		626,206,816,230	628,563,538,962
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		27,483,075,961	24,916,766,845
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	11,058,187,477	6,299,517,113
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		16,424,888,484	18,617,249,732
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		600,793,799,323	618,254,363,426
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4,001,361,257	4,776,856,657
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	4,001,361,257	4,776,856,657
220	II. Tài sản cố định		192,905,762,890	200,968,663,925
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	138,810,508,526	144,601,530,585
222	- Nguyên giá		539,948,257,609	539,948,257,609
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(401,137,749,083)	(395,346,727,024)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	54,077,673,833	56,336,070,407
225	- Nguyên giá		67,409,423,358	67,409,423,358
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13,331,749,525)	(11,073,352,951)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	17,580,531	31,062,933
228	- Nguyên giá		565,248,000	565,248,000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(547,667,469)	(534,185,067)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	2,535,925,926	2,155,925,926
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2,535,925,926	2,155,925,926
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	367,678,477,818	367,678,477,818
251	1. Đầu tư vào công ty con		274,678,477,818	274,678,477,818
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		90,000,000,000	90,000,000,000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3,000,000,000	3,000,000,000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		33,672,271,432	42,674,439,100
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	33,672,271,432	42,674,439,100
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2,038,001,283,592	1,986,309,972,424

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1,361,864,065,233	1,315,468,485,188
310	I. Nợ ngắn hạn		1,344,696,423,745	1,245,851,674,856
311	214 Phải trả người bán ngắn hạn	14	285,250,724,833	263,778,418,949
312	214 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	70,926,890,943	69,465,433,416
313	214 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	19,992,307,795	18,013,528,553
314	214 Phải trả người lao động		9,919,864,610	14,842,024,402
315	214 Chi phí phải trả ngắn hạn	17	17,865,077,711	14,450,223,537
319	214 Phải trả ngắn hạn khác	18	12,898,507,022	11,207,879,294
		19		
320	214 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		913,839,852,786	840,090,968,660
321	214 Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	214 Quỹ khen thưởng phúc lợi		14,003,198,045	14,003,198,045
330	II. Nợ dài hạn		17,167,641,488	69,616,810,332
331	1. Phải trả người bán dài hạn	14	-	48,552,878,934
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	150,000,000	150,000,000
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	17,017,641,488	20,913,931,398
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		676,137,218,359	670,841,487,236
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	676,137,218,359	670,841,487,236
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		450,000,000,000	450,000,000,000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		450,000,000,000	450,000,000,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		40,010,480,000	40,010,480,000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		57,353,390,932	57,353,390,932
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		128,773,347,427	123,477,616,304
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		123,477,616,304	68,742,120,958
421b	LNST chưa phân phối năm nay		5,295,731,123	54,735,495,346
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2,038,001,283,592	1,986,309,972,424



Vũ Thị Ngọc
Người lập



Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởng



Trương Văn Việt
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 04 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng**
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG***Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2025*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	467,087,507,481	379,039,658,695
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	-	231
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		467,087,507,481	379,039,658,464
11	4. Giá vốn hàng bán	24	421,902,783,807	311,717,677,666
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		45,184,723,674	67,321,980,798
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	3,191,180,114	2,213,101,413
22	7. Chi phí tài chính	26	15,362,554,222	15,340,404,273
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		15,229,177,782	14,420,624,994
25	8. Chi phí bán hàng	27	10,404,602,176	19,047,239,825
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	15,628,418,553	14,871,814,914
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6,980,328,837	20,275,623,199
31	11. Thu nhập khác	29	1,854,466	24,440,620,912
32	12. Chi phí khác	30	91,165,803	24,507,460,566
40	13. Lợi nhuận khác		(89,311,337)	(66,839,654)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6,891,017,500	20,208,783,545
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	1,595,286,377	5,246,862,652
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>5,295,731,123</u>	<u>14,961,920,893</u>

Vũ Thị Ngọc
Người lập**Nguyễn Thị Kim Loan**
Kế toán trưởng**Trương Văn Việt**
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 04 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

*Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		6,891,017,500	20,208,783,545
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		8,062,901,035	8,811,703,816
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1,750,300,567)	(1,653,360,045)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1,348,424,173)	(548,018,505)
06	- Chi phí lãi vay		15,229,177,782	14,420,624,994
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		27,084,371,577	41,239,733,805
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(77,487,561,235)	16,109,486,168
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2,356,722,732	(60,640,549,655)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(24,078,570,238)	(40,346,023,363)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		4,243,497,304	4,092,376,804
14	- Tiền lãi vay đã trả		(16,202,908,092)	(14,308,265,596)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(84,084,447,952)	(53,853,241,837)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(380,000,000)	(1,059,900,222)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	24,218,328,256
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(18,162,739,726)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		(153,220,699,172)	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		130,284,580,071	(6,000,000,000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1,360,673,297	165,218,033
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(21,955,445,804)	(839,093,659)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

*Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		327,011,503,912	252,044,997,033
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(251,589,933,907)	(188,406,698,331)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(3,896,289,910)	(13,171,546,327)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		71,525,280,095	50,466,752,375
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(34,514,613,661)	(4,225,583,121)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		38,628,487,195	14,682,139,213
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		68,999,582	(705,308,604)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	4,182,873,116	9,751,247,488

Vũ Thị Ngọc
Người lập

Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởng



Trương Văn Việt
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 04 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2025

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3501459505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 04 tháng 07 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 450.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2025 là 450,000,000,000 VND; tương đương 45,000,000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 là: 600 người (tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 là: 659 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất gạch ceramic, granite, porcelain và vật liệu xây dựng từ đất sét.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất máy móc thông dụng khác. Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: sản xuất gạch ceramic, granite;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ (đồ gỗ nội thất, mỹ nghệ...);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm 2025, mặc dù là năm khó khăn về kinh tế tuy nhiên doanh thu quý 1 năm 2025 của Công ty tiếp tục tăng trưởng 23,3% so với cùng kỳ năm 2024 từ 379 tỷ VND lên 467 tỷ VND. Tuy nhiên giá vốn đã tăng 35,35% so với kết quả kinh doanh năm quý 1 năm 2024 từ mức 311,7 tỷ VND lên mức 421,9 tỷ VND, mức tăng giá vốn cao hơn mức tăng doanh thu dẫn đến lợi nhuận gộp của Công ty đã giảm 10,89%. Theo đó trong năm 2025, thị trường ngành vật liệu xây dựng có tình trạng đóng băng, nhu cầu giảm, để tiếp tục duy trì mức tăng doanh thu Công ty đã thực hiện nới rộng các chính sách bán hàng, giảm giá bán và tối ưu hóa các hoạt động thương mại nên quy mô doanh thu của Công ty tiếp tục tăng nhưng lợi nhuận

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) trong năm mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

- Chi phí trả trước về sử dụng thương hiệu được ghi nhận theo giá trị thương hiệu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn quy định trong hợp đồng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong quý báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của quý báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong quý và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	1,031,468,609	1,311,344,819
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3,151,404,507	37,317,142,376
	4,182,873,116	38,628,487,195

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	153,220,699,172	-	130,284,580,071	-
Đầu tư dài hạn	153,220,699,172	-	130,284,580,071	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	3,000,000,000	-	3,000,000,000	-
- Trái phiếu (2)	-	-	-	-
	3,000,000,000	-	3,000,000,000	-
	<u>156,220,699,172</u>	<u>-</u>	<u>133,284,580,071</u>	<u>-</u>

(1) Tại ngày 31/03/2025, các đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 đến 12 tháng có giá trị 153.220.699.172 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại có phần với lãi suất từ 2,9%/năm đến 6,3%/năm.

(2) Tại ngày 31/03/2025, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là trái phiếu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành có kỳ hạn 8 năm có giá trị 3.000.000.000 VND, thời gian đáo hạn là 22/06/2030 với lãi suất thả nổi.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con				
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone (*)	274,678,477,818	-	-	274,678,477,818
	274,678,477,818	-	-	274,678,477,818
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết				
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	90,000,000,000	-	-	90,000,000,000
	90,000,000,000	-	-	90,000,000,000
	<u>364,678,477,818</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>364,678,477,818</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐÀU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Trong năm, Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone (tên cũ Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gi Khang) đã thực hiện tăng vốn và Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia góp bổ sung bằng tiền theo đúng tỷ lệ với giá trị

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
<i>Công ty con</i>			
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone	Đồng Nai	88.17%	88.17%
<i>Công ty liên kết</i>			
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	Đồng Nai	45.00%	45.00%

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	107,243,950,213	-	85,180,303,939	-
Công ty Cổ phần Vinagres	36,424,413,442	-	25,602,313,404	-
Royal American Wholesale	2,338,604,666	-	2,338,141,668	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	15,098,743,639	-	13,895,092,750	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	7,808,884,384	-	6,705,149,684	-
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	37,893,869,042	-	36,639,606,433	-
Công Ty Cổ phần Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia Xanh	7,679,435,040	-	-	-
Bên khác	439,674,987,840	-	390,328,583,832	-
Công ty Cổ phần Top Tile	78,747,977,681	-	101,026,292,555	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quân	47,240,586,285	-	43,016,085,398	-
Rc Flooring Distributor	23,346,203,613	-	23,341,581,518	-
Care About Trading Co., Ltd	33,894,271,566	-	33,042,985,523	-
Công ty TNHH Mylux Việt	40,303,358,764	-	33,346,694,862	-
New Pacific Marble & Title	25,234,174,727	-	25,229,178,850	-
Các khách hàng khác	190,908,415,204	-	131,325,765,126	-
	546,918,938,053	-	475,508,887,771	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	305,381,054	-	-	-
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	305,381,054	-	-	-
Bên khác	46,271,144,190	-	37,338,008,117	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Dịch vụ Hoàng Quân	6,895,833,094	-	6,895,833,094	-
Công Ty TNHH MTV Trang Minh Anh	4,941,943,291	-	4,941,943,291	-
Công Ty CP Kiến Trúc Và Đầu Tư Xây Dựng Sài Gòn	3,500,000,000	-	3,500,000,000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh (*)	8,913,920,305	-	14,730,527,948	-
Trả trước cho người bán khác	22,019,447,500	-	7,269,703,784	-
	46,576,525,244	-	37,338,008,117	-

(*) Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh không còn là bên liên quan từ năm 2024.

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi	1,534,507,080	-	1,546,756,204	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	-	-
Phải thu liên quan hoạt động thuê tài chính	1,083,048,413	-	1,241,563,393	-
Khoản giao xây dựng và mua lại tài sản (2)	30,000,000,000	-	30,000,000,000	-
Phải thu khác	1,001,000	-	27,020,440	-
	32,618,556,493	-	32,815,340,037	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

		31/03/2025		01/01/2025	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
a.2)	Chi tiết theo đối tượng				
	Bên liên quan	30,000,000,000		30,000,000,000	
	Ông Huỳnh Sơn Tùng (1)	30,000,000,000	-	30,000,000,000	-
	Bên khác	2,618,556,493		2,815,340,037	
	Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	1,083,048,413	-	1,241,563,393	-
	Các ngân hàng thương mại	1,534,507,080	-	1,546,756,204	-
	Các đối tượng khác	1,001,000	-	27,020,440	-
		32,618,556,493	-	32,815,340,037	-
b)	Dài hạn				
b.1)	Chi tiết theo nội dung				
	Ký cược, ký quỹ	4,001,361,257	-	4,776,856,657	-
		4,001,361,257	-	4,776,856,657	-
b.2)	Chi tiết theo đối tượng				
	Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	713,573,650	-	1,489,069,050	-
	Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	2,442,107,607	-	2,442,107,607	-
	Các đối tượng khác	845,680,000	-	845,680,000	-
		4,001,361,257	-	4,776,856,657	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

(1) Khoản thỏa thuận và giao việc cho ông Huỳnh Sơn Tùng theo biên bản thỏa thuận số 01/CTCP HST/BBTT ngày 07/09/2022 về việc ông Huỳnh Sơn Tùng chủ sở hữu lô đất 716 Nguyễn Thị Định, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức thực hiện xây dựng tòa nhà văn phòng và showroom trên mảnh đất này và sau khi công trình hoàn thành sẽ tiến hành chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất cho Công ty.

Mục đích công việc nêu trên nhằm thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà văn phòng và showroom để mở rộng văn phòng làm việc và showroom trưng bày sản phẩm, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

Trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 24 tỷ VND còn giá trị xây dựng công trình dự kiến là 12 tỷ VND và có thể thay đổi khi có quyết toán xây dựng.

Công ty ứng trước cho ông Huỳnh Sơn Tùng số tiền 30 tỷ VND và đã thực hiện xong việc mua lô đất.

Trong năm 2024, ông Huỳnh Sơn Tùng đã nhận được Giấy phép xây dựng số 941/GPXD ngày 18/04/2024 của UBND thành phố Thủ Đức và Phụ lục Giấy phép xây dựng số 255/PLGPXD ngày 24/06/2024 của UBND thành phố Thủ Đức và đang tiến hành quá trình thi công xây dựng công trình.

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	259,629,894	-	299,661,785	-
Nguyên liệu, vật liệu	93,481,795,112	-	97,431,016,420	-
Công cụ, dụng cụ	28,402,556,780	-	19,730,431,198	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8,179,438,120	-	8,198,954,088	-
Thành phẩm	279,304,951,614	-	246,173,229,649	-
Hàng hoá	214,514,639,916	-	252,505,459,255	-
Hàng gửi đi bán	2,063,804,794	-	4,224,786,567	-
	626,206,816,230	-	628,563,538,962	-

9 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Chi phí sửa chữa tòa nhà văn phòng RYG	925,925,926	925,925,926
- Thi công mái che, móng và sàn cho 2 cối nghiền xương 60 tấn	1,610,000,000	1,230,000,000
	2,535,925,926	2,155,925,926

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	117,868,307,224	404,589,032,937	10,402,495,191	3,944,152,222	3,144,270,035	539,948,257,609
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng do tài sản thuê tài chính chuyển thành	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Bán TSCĐ để thuê lại tài chính	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	117,868,307,224	404,589,032,937	10,402,495,191	3,944,152,222	3,144,270,035	539,948,257,609
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	82,108,048,777	301,251,748,989	8,431,347,850	2,748,318,400	807,263,008	395,346,727,024
- Khấu hao trong kỳ	1,053,662,369	4,301,262,003	264,032,203	93,458,733	78,606,751	5,791,022,059
- Tăng do chuyển từ tài sản thuê tài chính thành	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Bán TSCĐ để thuê lại tài chính	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	83,161,711,146	305,553,010,992	8,695,380,053	2,841,777,133	885,869,759	401,137,749,083
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	35,760,258,447	103,337,283,948	1,971,147,341	1,195,833,822	2,337,007,027	144,601,530,585
Tại ngày cuối kỳ	34,706,596,078	99,036,021,945	1,707,115,138	1,102,375,089	2,258,400,276	138,810,508,526

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	56,301,950,904	11,107,472,454	67,409,423,358
- Thuê tài chính	-	-	-
- Thuê lại tài chính	-	-	-
- Chuyển tài sản thuê tài chính thành TSCĐ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	56,301,950,904	11,107,472,454	67,409,423,358
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	10,805,733,487	267,619,464	11,073,352,951
- Trích khấu hao	1,976,541,735	281,854,839	2,258,396,574
- Chuyển tài sản thuê tài chính thành TSCĐ	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	12,782,275,222	549,474,303	13,331,749,525
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	45,496,217,417	10,839,852,990	56,336,070,407
Tại ngày cuối kỳ	43,519,675,682	10,557,998,151	54,077,673,833

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND	VND	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	-	565,248,000	565,248,000
Số dư cuối kỳ	-	565,248,000	565,248,000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	534,185,067	534,185,067
- Khấu hao trong kỳ	-	13,482,402	13,482,402
Số dư cuối kỳ	-	547,667,469	547,667,469
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	31,062,933	31,062,933
Tại ngày cuối kỳ	-	17,580,531	17,580,531

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 295,600,000 VND.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	11,058,187,477	6,299,517,113
	11,058,187,477	6,299,517,113
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	10,672,271,432	7,674,439,100
Chi phí sử dụng thương hiệu (*)	23,000,000,000	35,000,000,000
	33,672,271,432	42,674,439,100

(*) Chi phí sử dụng thương hiệu từ Hợp đồng Li-xăng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa số 011222/CQSDNH/TT-HG ngày 01/12/2022 giữa Công ty và Công ty TNHH Top Tile có thời hạn 5 năm tính từ thời điểm tháng 12/2022 và thanh toán trước toàn bộ giá trị hợp đồng với số tiền là 60 tỷ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

		31/03/2025		01/01/2025	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a)	Ngắn hạn	VND	VND	VND	VND
	Bên liên quan	1,556,691,679	1,556,691,679	7,389,517,005	7,389,517,005
	Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	116,993,600	116,993,600	2,332,101,636	2,332,101,636
	Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	1,439,698,079	1,439,698,079	3,434,093,689	3,434,093,689
	Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered stone	-	-	1,623,321,680	1,623,321,680
	Bên khác	283,694,033,154	283,694,033,154	304,941,780,878	304,941,780,878
	Công ty Cổ phần Frit Huế	13,175,513,530	13,175,513,530	11,235,721,330	11,235,721,330
	CN Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu Khí VN - XN	-	-	3,701,565,394	3,701,565,394
	Công ty Cổ phần Công nghệ Hexagon	6,343,327,108	6,343,327,108	7,943,838,176	7,943,838,176
	Forwell International (HK) Co., LTD	102,162,762,590	102,162,762,590	107,469,575,631	107,469,575,631
	Đối tượng khác	162,012,429,926	162,012,429,926	174,591,080,347	174,591,080,347
		285,250,724,833	285,250,724,833	312,331,297,883	312,331,297,883
b)	Dài hạn				
	Bên khác				
	Forwell International (HK) Co., LTD	-	-	48,552,878,934	48,552,878,934
		-	-	48,552,878,934	48,552,878,934

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên liên quan	3,126,720,557	1,428,959,922
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered stone	3,126,720,557	1,428,959,922
Bên khác	67,800,170,386	68,036,473,494
Công ty TNHH VINAMEN	-	5,232,580,340
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hùng Ngọc	18,437,407,690	14,620,634,450
Công Ty TNHH Trang Hòa	8,610,741,985	-
Đối tượng khác	40,752,020,711	48,183,258,704
	70,926,890,943	69,465,433,416

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	9,724,062,943	9,724,062,943	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	127,457,350	127,457,350	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	15,348,552,796	1,595,286,377	-	-	16,943,839,173
Thuế Thu nhập cá nhân	-	2,664,975,757	383,492,865	-	-	3,048,468,622
Các loại thuế khác	-	-	3,000,000	3,000,000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	2,000,000	2,000,000	-	-
	-	18,013,528,553	11,835,299,535	9,856,520,293	-	19,992,307,795

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	973,730,310
- Trích trước chi phí tiền điện	1,601,856,976	1,645,451,218
- Trích trước chi phí nhiên liệu khí thấp áp	10,013,435,478	9,886,422,942
- Trích trước chi phí chưa có hóa đơn chứng từ	4,769,004,599	714,240,120
- Trích trước chi phí xuất nhập khẩu	1,480,780,658	1,230,378,947
	17,865,077,711	14,450,223,537

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a1) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	5,493,884,702	5,294,461,302
- Bảo hiểm xã hội	3,646,298,557	2,788,258,228
- Bảo hiểm y tế	166,311,450	187,822,800
- Bảo hiểm thất nghiệp	73,224,000	83,252,800
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	205,500,000	205,500,000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3,313,288,313	2,648,584,164
	12,898,507,022	11,207,879,294
a2) Chi tiết theo đối tượng		
<i>Bên liên quan</i>	-	-
<i>Bên khác</i>	12,898,507,022	11,207,879,294
- Cán bộ công nhân viên Công ty	2,938,312,602	2,573,206,322
- Công đoàn cấp cơ sở	5,493,884,702	5,294,461,302
- Cơ quan bảo hiểm	3,885,834,007	3,059,333,828
- Các đối tượng khác	580,475,711	280,877,842
	12,898,507,022	11,207,879,294
b) Dài hạn		
b1) Chi tiết theo nội dung		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	150,000,000	150,000,000
	150,000,000	150,000,000
b2) Chi tiết theo đối tượng		
- Công ty TNHH Quảng Lộc Phát	150,000,000	150,000,000
	150,000,000	150,000,000

19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp)	01/01/2025		Trong kỳ		31/03/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tin (Sacombank-SBL) ⁽⁹⁾	12,461,011,428	12,461,011,428	-	2,069,373,100	10,391,638,328	10,391,638,328
- Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chaileas ⁽¹⁰⁾	11,355,800,370	11,355,800,370	-	1,343,159,184	10,012,641,186	10,012,641,186
- Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV Sumi Trust ⁽¹¹⁾	9,352,647,458	9,352,647,458	-	483,757,626	8,868,889,832	8,868,889,832
	33,169,459,256	33,169,459,256	-	3,896,289,910	29,273,169,346	29,273,169,346

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

cho kỳ kế toán quý I năm 2025

c) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức (VND)	Số dư 31/03/2025 (Nguyên tệ)	Số dư quy đổi VND 31/03/2025 (VND)	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản bảo đảm
(1) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa								
01/2024- HĐCVHM/NHCT682 - HOANGGIA	21/11/2024	150,000,000,000	154,251,137,899 VND	154,251,137,899	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch men	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(2) Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Nai								
202025393705/L1/03	24/02/2025	110,000,000,000	92.467.406.882 VND và 597.087 USD	107,893,149,527	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(3) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất								
01/2024/7856791/HĐT D	12/07/2024	150,000,000,000	149.320.527.604 VND	149,320,527,604	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(4) Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng Và Phát Triển - Chi nhánh Vũng Tàu								
510.368/24/DN	08/10/2024	155,000,000,000	111.635.893.220 VND và 342.089,75 USD	120,376,628,422	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(5) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đồng Nai								
2024079/HĐTD/QLN	30/09/2024	60,000,000,000	59.994.460.441 VND	59,994,460,441	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(6) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội-Chi nhánh Gia Định								
240496.24.220.828327.TD	30/08/2024	70,000,000,000	59.877.556.533 VND	59,877,556,533	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch men	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

c) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn (tiếp):

(7) Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình-Chí nhánh Sài Gòn			99,997,098,086		Tài trợ bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch men các loại	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
2747/24/TD/SME/029	21/09/2024	100,000,000,000	99,997,098,086 VND					
(8) Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam-Chí nhánh Bắc Ninh			80,000,000,000		Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch men	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
VN12401531	13/11/2024	80,000,000,000	80,000,000,000 VND					
(9) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam- Chi nhánh Sài Gòn			63,339,207,591		Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch men	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
1061986.24	15/01/2025	150,000,000,000	63,339,207,591 VND					

d) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn:

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức (VND)	Số dư 31/03/2025 (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả (VND)	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản bảo đảm
(10) Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL)								
SBL010202011014	09/11/2020	3,588,315,500	224,270,000	224,270,000	Đầu tư 01 máy in phun model K8-700/6+2 mới 100%	48 tháng	9,45%/năm	01 máy in phun model K8-700/6+2 mới 100%
SBL010202103026	25/03/2021	2,472,714,300	154,545,300	154,545,300	Đầu tư 01 Máy mạ chân không, model HC-DHL-2800-TG30, hãng SX Zhaoqing City Huichang Vacuum Equipment Co., Ltd)	48 tháng	9,75%/năm	01 Máy mạ chân không, model HC-DHL-2800-TG30, hãng SX Zhaoqing City Huichang Vacuum Equipment Co., Ltd)
SBL010202210047	28/10/2022	584,800,000	255,850,000	109,650,000	Đầu tư xe ô tô tải (pickup cabin kép) nhãn hiệu FORD, số loại RANGER TRABCH2P0C3CXKL1, biển số 60C-637.38	48 tháng	8,5%/năm	01 xe ô tô tải (pickup cabin kép) nhãn hiệu FORD, số loại RANGER TRABCH2P0C3CXKL1, biển số 60C-637.38

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

cho kỳ kế toán quý I năm 2025

SBL010202208067	31/08/2022	6,821,071,780	3,599,190,500	1,349,696,400	Đầu tư 01 bộ máy ép thủy lực, nhãn hiệu HLT, model YP 3609 , hãng SX HLT INDUSTRY CO., LTD	48 tháng	9%/năm	01 bộ máy ép thủy lực, nhãn hiệu HLT, model YP 3609 , hãng SX HLT INDUSTRY CO., LTD
SBL01020230310	10/03/2023	4,549,159,200	1,151,216,200	383,739,000	Đầu tư 03 máy đóng gói, 02 máy buộc đai nhãn hiệu KEDA của XINCHENG INTERNATIONAL CO.,LTD	52 tháng	10,5%/năm	03 máy đóng gói, 02 máy buộc đai nhãn hiệu KEDA, hãng sản xuất XINCHENG INTERNATIONAL CO.,LTD

d) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp):

SBL010202307039	01/08/2023	2,361,051,828	1,208,158,328	329,497,800	Đầu tư hệ thống bù gạch nhãn hiệu Rong Zhi Cheng Co., Ltd, model ZNCP288 mới 100%, xuất xứ TQ, sản xuất	48 tháng	10,5%/năm	Hệ thống bù gạch nhãn hiệu Rong Zhi Cheng Co., Ltd, model ZNCP288 mới 100%, xuất xứ TQ, sản xuất 2023
SBL010202311033	21/11/2023	1,078,707,101	556,208,000	151,693,200	Đầu tư máy làm mát gạch sử dụng trong dây chuyền SX gạch men, nhãn hiệu SMAC, model KRYO 2.0 S.90, số serial 1012BN, mới 100%,	48 tháng	9,7%/năm	Máy làm mát gạch sử dụng trong dây chuyền SX gạch men, nhãn hiệu SMAC, model KRYO 2.0 S.90, số serial 1012BN, mới 100%,
SBL010202301025	31/01/2023	8,962,800,000	3,742,200,000	1,247,400,000	Đầu tư 01 máy phun kỹ thuật số, 01 máy phủ men khô, hãng sản xuất Foshan Sanshui Yingjie Precision Machinery Co., LTD	48 tháng	10,5%/năm	01 máy phun kỹ thuật số model K8-700(560)/6+2. 01 máy phủ men khô model GL-P1200/L3.4WP
(10) Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease C240200102								
CP-CILC00102.2024	14/03/2024	14,652,645,640	10,012,641,186	3,907,372,170	Máy móc thiết bị xưởng GTT2 - Hoàng Gia	60 tháng	8,73%/năm	Máy móc thiết bị xưởng GTT2 - Hoàng Gia
(11) CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH TNHH BIDV-SUMI TRUST- CN TP HCM 21824000686								
2182400068	25/09/2024	9,513,900,000	8,868,889,832	1,451,272,878	Xe ô tô Lexus, Biển số 51L-222.44	60 tháng	8,10%/năm	Xe ô tô Lexus, Biển số 51L-222.44

Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng đồng thể chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Đinh Việt Anh	20.80	93,600,000,000	20.80	93,600,000,000
Bà Lê Thị Vi Na	19.72	88,740,000,000	19.72	88,740,000,000
Bà Nguyễn Thị Lê	15.08	67,860,000,000	15.08	67,860,000,000
Ông Huỳnh Quang Bá	3.60	16,200,000,000	3.60	16,200,000,000
Ông Trương Văn Việt	0.87	3,930,000,000	0.87	3,930,000,000
Các cổ đông khác	39.93	179,670,000,000	39.93	179,670,000,000
	100.00	450,000,000,000	100.00	450,000,000,000

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý 1 năm 2025 VND	Quý 1 năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	450,000,000,000	450,000,000,000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	450,000,000,000	450,000,000,000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	-
- <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	450,000,000,000	450,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	205,500,000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	-	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	-	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	-	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	-	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	205,500,000	-

c) Cổ phiếu

	31/03/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	45,000,000	45,000,000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	45,000,000	45,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	45,000,000	45,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45,000,000	45,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	45,000,000	45,000,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/03/2025, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
- Từ 1 năm trở xuống	3,641,400,000	3,641,400,000
- Trên 1 năm đến 5 năm	14,565,600,000	14,565,600,000
- Trên 5 năm	99,531,600,000	100,441,950,000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

	117,738,600,000	118,648,950,000
b) Ngoại tệ các loại	31/03/2025	01/01/2025
- Đồng đô la Mỹ (USD)	4,062.52	25,774.51
22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	167,968,245,301	177,162,771,398
Doanh thu bán hàng hoá	74,626,241,742	75,659,385,395
Doanh thu bán nguyên vật liệu	223,742,903,429	124,056,750,216
Doanh thu cung cấp dịch vụ	750,117,009	2,160,751,686
	467,087,507,481	379,039,658,695
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)	58,823,849,344	35,774,301,059
23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	-	231
	-	231
24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	130,762,156,628	129,104,415,930
Giá vốn của hàng hóa đã bán	69,957,230,297	61,220,456,508
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	220,255,542,062	119,555,780,251
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	927,854,820	1,837,024,977
	421,902,783,807	311,717,677,666
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)		
Tổng giá trị mua vào:	26,920,614,547	22,316,383,314
25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1,348,424,173	345,270,693
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	68,999,582	214,470,675
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1,773,756,359	1,653,360,045
	3,191,180,114	2,213,101,413

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	14,480,962,835	14,420,624,994
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	109,920,648	919,779,279
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	23,455,792	
Chi phí tài chính khác	748,214,947	-
	15,362,554,222	15,340,404,273

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	393,676,114	861,075,774
Chi phí nhân công	2,763,403,788	4,126,030,855
Chi phí khấu hao tài sản cố định	232,413,966	44,709,205
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6,657,485,139	13,469,848,945
Chi phí khác bằng tiền	357,623,169	545,575,046
	10,404,602,176	19,047,239,825

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	240,974,281	122,921,473
Chi phí nhân công	5,991,386,378	6,801,973,362
Chi phí khấu hao tài sản cố định	364,989,222	353,775,686
Thuế, phí, lệ phí	3,000,000	4,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8,447,968,292	6,981,174,860
Chi phí khác bằng tiền	580,100,380	607,969,533
	15,628,418,553	14,871,814,914

29 . THU NHẬP KHÁC

	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	24,421,076,067
Thu nhập khác	1,854,466	19,544,845
	1,854,466	24,440,620,912

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	24,218,328,255
Các khoản bị phạt	72,435,249	289,132,311
Chi phí khác	18,730,554	
	91,165,803	24,507,460,566

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6,891,017,500	20,208,783,545
Các khoản điều chỉnh tăng	1,085,414,384	913,935,616
- Chi phí không hợp lệ	1,085,414,384	909,380,265
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	-	4,555,351
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(2,993,270,231)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	-	(2,993,270,231)
Thu nhập chịu thuế TNDN	7,976,431,884	18,129,448,930
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	1,595,286,377	3,625,889,786
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	15,348,552,796	21,205,758,029
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	16,943,839,173	24,831,647,815

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48,765,580,937	72,340,142,713
Chi phí nhân công	41,910,417,919	29,932,581,407
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8,062,901,035	7,288,974,884
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26,943,373,470	35,034,529,633
Chi phí khác bằng tiền	1,222,595,303	1,212,001,679
	126,904,868,664	145,808,230,316

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/03/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3,151,404,507	-	-	3,151,404,507
Phải thu khách hàng, phải thu khác	579,537,494,546	4,001,361,257	-	583,538,855,803
Các khoản cho vay	153,220,699,172	-	-	153,220,699,172
	735,909,598,225	4,001,361,257	-	739,910,959,482

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38,628,487,195	-	-	38,628,487,195
Phải thu khách hàng, phải thu khác	508,324,227,808	-	-	508,324,227,808
Các khoản cho vay	130,284,580,071	-	-	130,284,580,071
	677,237,295,074	-	-	677,237,295,074

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/03/2025				
Vay và nợ	913,839,852,786	17,017,641,488	-	930,857,494,274
Phải trả người bán, phải trả khác	298,149,231,855	150,000,000	-	298,299,231,855
Chi phí phải trả	17,865,077,711	-	-	17,865,077,711
	1,229,854,162,352	17,167,641,488	-	1,247,021,803,840

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

34 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Sản phẩm Gạch Ceramic	Sản phẩm Gạch Porcelain	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
	114,444,371,031	128,150,116,012	224,493,020,438	467,087,507,481
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài				
Chi phí bộ phận trực tiếp	96,146,897,575	104,572,489,350	221,183,396,882	421,902,783,807
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	18,297,473,456	23,577,626,662	3,309,623,556	45,184,723,674
Tài sản bộ phận trực tiếp	371,715,778,305	416,232,093,236	729,154,235,061	1,517,102,106,602
Tài sản không phân bổ				520,899,176,990
Tổng tài sản	371,715,778,305	416,232,093,236	729,154,235,061	2,038,001,283,592

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

	Sản phẩm Gạch Ceramic VND	Sản phẩm Gạch Porcelain VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	325,350,345,829	364,313,982,304	638,204,231,259	1,327,868,559,393
Nợ phải trả không phân bổ				33,995,505,840
Tổng nợ phải trả	325,350,345,829	364,313,982,304	638,204,231,259	1,361,864,065,233

Theo khu vực địa lý

	Trong nước VND	Xuất khẩu VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	427,825,659,747	39,261,847,734	467,087,507,481
Tài sản bộ phận			2,038,001,283,592
Tổng chi phí mua TSCĐ			-

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Royal American Wholesale	Bà Huỳnh Thị Đông Thi cổ đông lớn của Royal American Wholesale và là vợ của Ông Đinh Việt Anh
Công ty Cổ phần Vinagres	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Vinagres là em vợ của ông Đinh Việt Anh
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	Năm 2023 Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House là công ty liên doanh liên kết
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	Bà Lê Thị Vi Na là Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh là cổ đông lớn của Công ty.
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	Bà Huỳnh Thị Đông Thi là Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê, là vợ của ông Đinh Việt Anh.
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh (*)	Bà Lê Thị Vi Na là Thành viên HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh là cổ đông lớn của Công ty đến tháng 03/2024.
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây là em vợ của ông Đinh Việt Anh
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone	Công ty con. Đổi tên từ Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Giang Khang.
Ông Đinh Việt Anh	Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban Kiểm toán
Bà Huỳnh Thị Đông Thi	Vợ ông Đinh Việt Anh - Chủ tịch HĐQT.
Ông Trịnh Xuân Hùng	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
Ông Huỳnh Sơn Tùng	Em trai bà Huỳnh Thị Đông Thi - vợ của ông Đinh Việt
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng
Ông Phạm Hữu Phú	Thành viên HĐQT, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024
	VND	VND
Doanh thu	58,823,849,344	35,774,301,059
Công ty Cổ phần Vinagres	35,337,885,013	4,361,597,107
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	270,880,000	1,676,231,727
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	9,222,571,911	
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	5,577,000	21,175,215,006
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	11,855,232,302	8,561,257,219
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone	2,131,703,118	-
Mua hàng	26,920,614,547	22,316,383,314
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	-	
Công ty Cổ phần Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia Xanh (*)	6,782,780,722	17,813,945,088
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	5,189,250	3,339,795,126
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone	20,132,644,575	1,162,643,100
Đầu tư vốn góp	-	6,000,000,000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone	-	6,000,000,000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	-	-

(*) Công ty này không còn là bên liên quan từ năm 2024.

	Mối quan hệ	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Đinh Việt Anh	Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban Kiểm toán	205,175,350	225,857,290
Ông Trương Văn Việt	Tổng Giám đốc bổ nhiệm ngày 02/07/2024	199,769,040	175,083,050
Ông Trịnh Xuân Hùng	Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 02/07/2024, thành viên HĐQT	-	197,737,630
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc	157,622,980	176,742,450
Ông Nguyễn Anh Bình	Phó Tổng Giám đốc bổ nhiệm ngày 02/07/2024	154,406,280	-
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng	158,155,860	135,542,080

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán quý 1 năm 2025

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Vũ Thị Ngọc
Người lập



Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởng



Trương Văn Việt
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 04 năm 2025